

Bản án số: 813/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 16-5-2023

V/v: *Tranh chấp ly hôn.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ái Long

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lâm Thị H
2. Ông Trần Văn P

Thư ký phiên tòa: Bà Võ Hải An, là Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 0448/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2022, về việc: “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 112/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/3/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Châu H, sinh năm 1988 (Có đơn đề nghị vắng mặt)

Địa chỉ: 127 Thống Nhất, Phường A, quận B, Thành phố C.

Bị đơn: Ông Nguyễn P, sinh năm 1989 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Phan Văn Trị, Phường A, quận B, Thành phố C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02 tháng 3 năm 2022, bản tự khai và các và các biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải, nguyên đơn bà Châu H trình bày:

Năm 2007, bà và ông Nguyễn P tổ chức lễ cưới, đến năm 2013 bà và ông Phúc đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường A, quận B, Thành phố C và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 09/2013 ngày 18/01/2023. Thời gian đầu, bà và ông P chung sống hạnh phúc. Đến năm 2018 phát sinh mâu thuẫn, cả hai thường xuyên cãi vã dẫn đến xô xát, ông P không tôn trọng bà. Bà đã nhiều lần khuyên nhủ, hàn

gắn nhưng không kết quả. Từ tháng 02 năm 2022 bà và ông P sống ly thân. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn P để ổn định cuộc sống.

Trong quá trình chung sống, bà H và ông P có một con chung tên Nguyễn H, sinh ngày 20/7/2018, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con, bà không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà và ông P không có tài sản chung.

Tại bản tự khai ngày 14/4/2022 và biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ ngày 14/4/2022, bị đơn ông Nguyễn P trình bày:

Ông thừa nhận trong quá trình chung sống có những lời lẽ không hay với bà H, cả hai thường xuyên cãi vã dẫn đến xô xát do không hiểu ý nhau. Ông không đồng ý ly hôn vì ông còn yêu thương bà Hằng. Ông mong bà H cho ông cơ hội để sửa đổi cùng nhau xây dựng gia đình nuôi dạy con cái trưởng thành.

Về con chung: Nếu ly hôn, ông yêu cầu được nuôi dưỡng trẻ Nguyễn H, sinh ngày 20/7/2018, ông không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông và bà H không có tài sản chung.

* Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn ông Nguyễn P đến Tòa án để tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào các ngày 21/10/2022, ngày 24/3/2023 nhưng ông P vắng mặt không lý do.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh phát biểu ý kiến:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

* Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán:

Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Cụ thể: Thẩm phán xác định, đúng thẩm quyền giải quyết của Tòa án, xác định vụ kiện thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa; Việc cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho đương sự và Viện kiểm sát thực hiện theo đúng quy định từ Điều 170 đến Điều 181 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Tòa án tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ đúng theo quy định tại Điều 209, 210, 211 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

* Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:

Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng quy định tại Điều 51 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

* Về việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng:

Đối với nguyên đơn: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Đối với bị đơn: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay bị đơn không thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định tại các Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí ly hôn: Nguyên đơn phải chịu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Quan hệ tranh chấp giữa bà Châu H và ông Nguyễn P là quan hệ hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Theo kết quả cung cấp chứng cứ của Công an Phường A, quận B: Bị đơn ông Nguyễn P có đăng ký thường trú và hiện cư trú tại địa chỉ: Phan Văn Trị, Phường A, quận B, Thành phố C. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ bị đơn ông Nguyễn P tham gia phiên tòa sơ thẩm xét xử lần thứ nhất vào ngày 19/4/2023 và lần thứ hai vào ngày 16/5/2023 nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn ông Nguyễn P.

Nguyên đơn bà Châu H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ban đầu nên căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn.

[3] Về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 09/2023 do Ủy ban nhân dân Phường 11, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18/01/2013 thể hiện hôn nhân giữa bà Châu H và ông Nguyễn P là hợp pháp.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nhằm xây dựng gia đình hạnh phúc. Tuy nhiên, theo lời khai của bà H, thời gian

đầu bà và ông P chung sống hạnh phúc. Đến năm 2018 phát sinh mâu thuẫn cả hai thường xuyên cãi vã dẫn đến xô xát. Từ tháng 02 năm 2022, bà H về nhà di ruột tại địa chỉ Thống Nhất, Phường A, quận B, Thành phố C sinh sống và từ đó đến nay bà và ông P sống ly thân. Trong suốt quá trình tố tụng, bà H xác định không còn tình cảm với ông P.

Ông P thừa nhận có mâu thuẫn vợ chồng trong quá trình chung sống và không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà H nhưng ông không đến Tòa án tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải các ngày 21/10/2022, ngày 24/3/2023, chứng tỏ ông P có thái độ bỏ mặc, không có thiện chí hàn gắn, đoàn tụ với bà H.

Tại kết quả cung cấp chứng cứ của Công an Phường A, quận B: Từ tháng 02 năm 2022 bà H không còn sống tại địa chỉ Phan Văn Trị, Phường A, quận, Thành phố C. Cho thấy hôn nhân giữa bà H và ông P đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, vì vậy bà H có nguyện vọng xin được ly hôn với ông P là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung:

Căn cứ vào bản sao Giấy khai sinh số 623/TLKS-BS ngày 10/8/2018 của Ủy ban nhân dân Phường A, quận B, Thành phố C thì: Ông Nguyễn P và bà Châu H có 01 con chung tên Nguyễn H, sinh ngày 20/7/2018. Bà H và ông P đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu cấp dưỡng chi phí nuôi con.

Hội đồng xét xử xét, từ lúc sinh con bà H là người trực tiếp chăm sóc con. Tháng 02 năm 2022, bà H và ông Phúc ly thân, bà về nhà di ruột ở Gò Vấp sinh sống, bà đưa con đi cùng nhưng ông P không đồng ý. Khi bà nộp đơn yêu cầu ly hôn thì ông P ngăn cản không cho bà thăm nom, chăm sóc con. Từ tháng 5 năm 2022, ông P giao trẻ Nguyễn H cho bà H nuôi dưỡng cho đến nay. Theo kết quả cung cấp của Ủy ban nhân dân Phường A, quận B thì trẻ Nguyễn H, sinh ngày 20/7/2018 đang sống cùng mẹ tại địa chỉ: Thống Nhất, Phường A, quận B, Thành phố C.

Ông P có yêu cầu nuôi con chung nhưng không đến Tòa để làm việc, cũng không cung cấp cho Tòa án chứng cứ chứng minh thu nhập, chứng tỏ ông không quan tâm nhiều tới việc nuôi con chung. Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung của bà Châu H là chính đáng, phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình nên có cơ sở chấp nhận.

Về tài sản chung: Bà Châu H và ông Nguyễn P xác định không có tài sản chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Bà Châu H và ông Nguyễn P xác định không có nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng bà Châu H phải nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 48, khoản 2 Điều 227, Điều 235, Điều 266, Điều 267, Điều 271, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Châu H.

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Châu H và ông Nguyễn P.

1.2 Về việc con chung: Giao trẻ Nguyễn H, sinh ngày 20/7/2018 cho bà Châu H trực tiếp nuôi dưỡng, bà H không yêu cầu ông Nguyễn P cấp dưỡng chi phí nuôi con.

Ông Nguyễn P được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi có lý do chính đáng, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

1.3 Về tài sản chung: Bà Châu H và ông Nguyễn P khai không có tài sản chung.

Về nợ chung: Bà Châu H và ông Nguyễn P khai không có nợ chung.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng bà Châu H phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà bà H đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu số AA/2021/0000826 ngày 11/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh. Bà H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo:

Bà Châu H và ông Nguyễn P được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

- TAND TPHCM;
- VKSND TPHCM;
- VKSND quận Bình Thạnh;
- Chi cục THADS quận Bình Thạnh;
- Các đương sự;
- UBND nơi cấp giấy CNKH;
- Lưu: HS, VP.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Ái Long